

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

#### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, tiền thân là Công ty Vận tải biển Việt Nam, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 29-TTg ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 105598 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Trọng tài kinh tế cấp. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp cùng ngày. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 6 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 4 năm 2009.

#### Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	840.000.000.000	60
Các cổ đông khác	560.000.000.000	40
<b>Cộng</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>100</b>

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : (0313) 731 946  
Fax : (0313) 731 007  
Mã số thuế : 0200106490

#### Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Đại lý Tàu biển và Logistics	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Đại lý Dầu	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Xí nghiệp Sửa chữa và Dịch vụ Tàu biển	15 Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Hà Nội	22 Yết Kiêu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ninh	53 Lê Thánh Tông, phường Hòn Gai, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Đà Nẵng	255 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quy Nhơn	212 Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Nha Trang	43A Bạch Đằng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Cần Thơ	62/13 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Đại lý Tàu biển và Dịch vụ Hàng hải	9 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - Trung tâm Huấn luyện Thuyền viên	215 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Vũng Tàu	110 Hạ Long, Phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam tại Quảng Ngãi	696 Quang Trung, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là**

- Kinh doanh vận tải đường biển;
- Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển;
- Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển;
- Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không;
- Xuất khẩu thuyền viên;
- Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty;
- Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống;
- Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga;
- Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container;
- Đào tạo và huấn luyện thuyền viên.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 34).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Hữu Chinh	Chủ tịch
Ông Bùi Việt Hoài	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Duy Nhi	Ủy viên
Ông Đặng Thanh Quang	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Minh	Ủy viên
Ông Trần Trọng Phúc	Ủy viên

#### **Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Châu Quang Khải	Trưởng ban
Ông Đặng Hồng Trường	Ủy viên
Ông Lê Anh Sơn	Ủy viên

#### **Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Việt Hoài	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### **Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Việt Hoài**

Ngày 12 tháng 8 năm 2010



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 393/2010/BCTC-KTTV-KT4

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU  
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2010, từ trang 08 đến trang 34 kèm theo. Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2009 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam chưa được kiểm toán hoặc soát xét.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

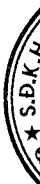
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>426.722.032.692</b>	<b>452.006.917.983</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>126.367.782.677</b>	<b>175.295.171.215</b>
1. Tiền	111		126.367.782.677	175.295.171.215
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>150.985.717.646</b>	<b>109.119.521.327</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	117.133.684.393	91.844.955.330
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	25.985.180.766	4.456.803.827
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	8.138.294.816	13.089.204.499
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(271.442.329)	(271.442.329)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>135.593.712.150</b>	<b>141.926.854.664</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	135.593.712.150	141.926.854.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.774.820.219</b>	<b>25.665.370.777</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	9.258.784.139	4.679.158.859
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.850.960.974	20.566.656.098
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.665.075.106	419.555.820



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.465.434.789.797</b>	<b>4.182.421.292.265</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.264.260.080.871</b>	<b>3.975.476.234.069</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.978.798.702.210	3.703.247.116.696
<i>Nguyên giá</i>	222		6.829.220.100.827	6.384.962.840.994
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.850.421.398.617)	(2.681.715.724.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.314.424.553	4.327.849.553
<i>Nguyên giá</i>	228		4.379.153.720	4.379.153.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(64.729.167)	(51.304.167)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	281.146.954.108	267.901.267.820
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>77.333.397.343</b>	<b>77.333.397.343</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	77.333.397.343	77.333.397.343
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>123.841.311.583</b>	<b>129.611.660.853</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	102.997.136.112	108.767.419.414
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	19.842.174.506	19.842.174.500
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.002.000.965	1.002.066.933
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.892.156.822.489</b>	<b>4.634.428.210.24</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm : ✓

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.388.889.317.148</b>	<b>3.193.897.212.592</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>711.959.435.917</b>	<b>803.640.209.807</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	270.270.277.370	294.387.222.654
2. Phải trả người bán	312	V.17	246.886.944.871	270.049.362.390
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	85.254.193.044	59.174.983.122
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	11.781.728.965	7.376.706.670
5. Phải trả người lao động	315		14.611.942.314	41.037.672.298
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	75.190.628.316	117.497.172.096
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	7.963.721.037	14.117.090.577
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.676.929.881.231</b>	<b>2.390.257.002.785</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.22	30.315.939.114	59.450.661.114
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	144.000.000	144.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	2.645.461.339.990	2.330.371.801.490
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	841.329.400	248.722.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		167.272.727	41.818.181
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.503.267.505.341</b>	<b>1.440.530.997.656</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.503.267.505.341</b>	<b>1.440.530.997.656</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.26	-	(9.135.948.446)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	15.968.205.262	15.968.205.262
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	87.299.300.079	33.698.740.840
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.892.156.822.489</b>	<b>4.634.428.210.248</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm : ✓

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		6.404.705,93	8.997.225,08
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Bá Trường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2010

Tổng Giám đốc



Bùi Việt Hoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.308.519.006.075	857.593.328.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3.309.623.794	8.436.853.030
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.305.209.382.281	849.156.475.726
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.123.094.966.379	857.257.336.082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		182.114.415.902	(8.100.860.356)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.170.495.516	20.559.650.924
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.497.726.055	40.150.804.067
Trong đó: chi phí lãi vay	23		53.592.938.983	38.397.020.992
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	37.880.038.826	19.814.309.457
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.178.956.174	21.599.612.140
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.728.190.363	(69.105.935.096)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	16.464.874.391	1.638.797.186
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.592.505.515	423.074.103
13. Lợi nhuận khác	40		14.872.368.876	1.215.723.083
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.600.559.239	(67.890.212.013)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	12.000.000.000	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>53.600.559.239</u>	<u>(67.890.212.013)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>383</u>	<u>(485)</u>

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bảng Giám đốc





Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bùi Việt Hoài

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.399.592.074.106	860.115.198.343
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.036.425.120.321)	(712.128.856.314)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(99.009.119.427)	(120.412.328.653)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(62.104.068.978)	(52.901.550.621)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(9.599.859.961)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		84.562.696.834	74.894.340.807
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(112.739.613.386)	(132.540.661.092)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>164.276.988.867</b>	<b>(82.973.857.530)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(481.760.045.761)	(4.425.107.653)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		14.835.200.000	1.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			9.059.933.323
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		390.443.321	15.633.232.631
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(466.534.402.440)</b>	<b>21.268.058.301</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		716.275.425.565	268.205.467.773
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(425.108.361.530)	(268.794.250.263)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.837.039.000)	(31.832.244.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>253.330.025.035</b>	<b>(32.421.026.690)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<b>50</b>		<b>(48.927.388.538)</b>	<b>(94.126.825.919)</b>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>175.295.171.215</b>	<b>119.536.409.031</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<b>61</b>		-	6.278.029
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>126.367.782.677</b>	<b>25.415.861.141</b>

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

**Nguyễn Bá Trường**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**

Tổng Giám đốc

**Bùi Việt Hoài**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ** **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Kinh doanh vận tải đường biển; Dịch vụ, đại lý và môi giới vận tải đường biển; Xuất nhập khẩu và đại lý vật tư thiết bị, phụ tùng, dầu mỡ, hóa chất, sơn các loại cho tàu biển; Dịch vụ vận tải đa phương tiện gồm: Đường sắt, sông, biển, bộ và hàng không; Xuất khẩu thuyền viên; Gia công cơ khí, phục hồi các chi tiết, các trang thiết bị lắp trên tàu, sửa chữa nhỏ tàu trong và ngoài Công ty; Đại lý dịch vụ sửa chữa, vật tư, phụ tùng thiết bị an toàn và phao bè; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ sân chơi thể thao và nhà hàng ăn uống; Vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và khí ga; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, xếp dỡ, sửa chữa Container. Đào tạo và huấn luyện thuyền viên.

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 03 Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam

##### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

##### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho là công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, trị giá công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp hệ số giá.

Hàng tồn kho là nguyên liệu, nhiên liệu được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ, trị giá nhiên liệu tồn cuối kỳ ở các tàu được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136/TC-TCĐN ngày 28 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tài chính cho phép khung khấu hao cho tàu biển đóng mới tối đa là 20 năm. Riêng tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định mua mới như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 20

Số năm khấu hao của tài sản cố định nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	6

### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư đóng mới tàu cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng được vốn hóa vào giá trị của tàu.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được thực hiện trích lập hoặc hoàn nhập vào thời điểm cuối năm tài chính ngày 31 tháng 12.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách và:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chi phí sửa chữa các tàu lên đà***

Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 30 tháng. Chi phí sửa chữa của các tàu chưa có quyết toán được tạm phân bổ theo dự toán.

#### ***Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện***

Từ năm 2009, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian phân bổ là 05 năm.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tại các thời điểm giữa niên độ - cuối mỗi quý, Công ty nộp Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính – mẫu 01A/TNDN để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải tạm nộp dựa trên doanh thu và chi phí ước tính và hạch toán vào chỉ tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” theo số liệu ước tính này.

Cuối năm tài chính, Công ty quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, trong đó:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính, trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Tài sản} \\ \text{thuế thu} \\ \text{nhập} \\ \text{hoãn lại} \end{array} = \left[ \begin{array}{l} \text{Tổng chênh lệch} \\ \text{tạm thời được} \\ \text{khấu trừ phát} \\ \text{sinh trong năm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị được khấu trừ} \\ \text{chuyển sang năm sau của} \\ \text{các khoản lỗ tính thuế và ru} \\ \text{đãi thuế chưa sử dụng} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện} \\ \text{hành} \end{array}$$

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Theo đó, Công ty không đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	555.091.734	664.878.507
Tiền gửi ngân hàng	125.812.690.943	174.630.292.708
<b>Cộng</b>	<b><u>126.367.782.677</u></b>	<b><u>175.295.171.215</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

*Trình bày theo đơn vị như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	77.746.775.480	55.380.925.853
Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	9.882.040.652	10.739.281.319
Xí nghiệp Đại lý Dầu	16.187.258.792	12.403.459.287
Xí nghiệp Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển	509.341.006	197.610.643
Trung tâm Thuyền viên	1.090.373.913	2.819.218.795
Đại lý Tàu biển và Logistics	3.183.023.813	4.195.841.893
Đại lý tàu biển và dịch vụ Hàng hải	395.722.758	370.031.055
Chi nhánh Quy Nhơn	868.853.104	1.328.093.360
Chi nhánh Quảng Ninh	1.817.178.493	747.640.080
Chi nhánh Nha Trang	434.013.267	82.858.814
Chi nhánh Hà Nội	4.391.722.543	2.995.303.324
Chi nhánh Đà Nẵng	245.922.494	289.065.847
Chi nhánh Cần Thơ	381.458.078	295.625.060
<b>Cộng</b>	<b><u>117.133.684.393</u></b>	<b><u>91.844.955.330</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán

*Trình bày theo đơn vị như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	25.868.406.652	3.829.843.395
Đại lý Tàu biển và Logistics	73.490.000	
Chi nhánh Quy Nhơn	31.397.138	600.522.593
Chi nhánh Quảng Ninh	10.836.976	10.387.839
Chi nhánh Nha Trang		15.000.000
Chi nhánh Hà Nội	1.050.000	1.050.000
<b>Cộng</b>	<b><u>25.985.180.766</u></b>	<b><u>4.456.803.827</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền ăn các tàu vay	3.312.791.033	4.044.320.316
Các tàu vay tiền đi công tác nước ngoài	501.323.130	114.876.223
Tiền bồi thường bảo hiểm	2.882.813.230	1.470.925.073
Quỹ ốm đau thai sản	23.781.900	232.226.280
Cổ tức phải thu Công ty CP SSV		94.640.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	227.750.000	
Tài khoản lưu ký chứng khoán	4.917.872	4.851.258
Thu tiền bán tàu Thái Bình – Công ty CP Phát triển Hàng hải Đông Đô	411.615.398	4.411.615.398
Các khoản phải thu khác	773.302.253	2.715.749.951
<b>Cộng</b>	<b><u>8.138.294.816</u></b>	<b><u>13.089.204.499</u></b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Số cuối kỳ là khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	132.526.855.946	138.832.261.985
Công cụ, dụng cụ	433.894.086	361.661.622
Hàng hóa	2.632.962.118	2.732.931.057
<b>Cộng</b>	<b><u>135.593.712.150</u></b>	<b><u>141.926.854.664</u></b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Phí bảo hiểm thân tàu		10.719.865.521	10.712.548.769	7.316.752
Phí bảo hiểm P&I	4.053.362.689	35.671.697.127	31.528.923.781	8.196.136.035
Phí bảo hiểm thuyền viên	77.230.170	188.032.414	246.238.000	19.024.584
Phí bảo hiểm vỏ container	548.566.000		372.618.000	175.948.000
Chi phí vận chuyển, giao nhận hàng hóa & sửa chữa xà lan VOSCO 01		870.954.776	10.596.008	860.358.768
<b>Cộng</b>	<b><u>4.679.158.859</u></b>	<b><u>47.450.549.838</u></b>	<b><u>42.870.924.558</u></b>	<b><u>9.258.784.139</u></b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá	26.670.830.237	92.342.236.061	6.255.852.276.905	10.035.657.236	61.840.555	6.384.962.840.994
Số đầu năm			480.128.184.712	98.599.547		480.226.784.259
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	605.108.728		928.152.774			1.533.261.502
Tăng khác						
Giảm trong kỳ do thanh lý, nhượng bán			(37.468.653.905)	(34.132.023)		(37.502.785.928)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>27.275.938.965</b>	<b>92.342.236.061</b>	<b>6.699.439.960.486</b>	<b>10.100.124.760</b>	<b>61.840.555</b>	<b>6.829.220.100.827</b>

Trong đó Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 78.381.573.120 VND

Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.469.178.849	6.388.433.737	2.660.710.861.026	6.126.637.158	20.613.528	2.681.715.724.298
Tăng trong kỳ do khấu hao	414.907.736	4.610.016.424	199.181.303.203	585.630.315	5.153.382	204.797.011.060
Giảm trong kỳ do thanh lý, nhượng bán			(36.057.204.718)	(34.132.023)		(36.091.336.741)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.884.086.585</b>	<b>10.998.450.161</b>	<b>2.823.834.959.511</b>	<b>6.678.135.450</b>	<b>25.766.910</b>	<b>2.850.421.398.617</b>

Giá trị còn lại						
Số đầu năm	18.201.651.388	85.953.802.324	3.595.141.415.879	3.909.020.078	41.227.027	3.703.247.116.696
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.391.852.380</b>	<b>81.343.785.900</b>	<b>3.875.605.000.975</b>	<b>3.421.989.310</b>	<b>36.073.645</b>	<b>3.978.798.702.210</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.880.070.647.929 VND và 3.806.053.682.925 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.271.753.720	107.400.000	4.379.153.720
Tăng trong kỳ do mua mới			
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.271.753.720</b>	<b>107.400.000</b>	<b>4.379.153.720</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		51.304.167	51.304.167
Tăng trong kỳ do khấu hao		13.425.000	13.425.000
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>64.729.167</b>	<b>64.729.167</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.271.753.720	56.095.833	4.327.849.553
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.271.753.720</b>	<b>42.670.833</b>	<b>4.314.424.553</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí XD CB dở dang				
Tàu 22.500 tấn số 4/KH05	267.836.939.093	13.198.959.015		281.035.898.108
Công trình Nhà làm việc Vosco Nha Trang	64.328.727	46.727.273		111.056.000
<b>Cộng</b>	<b>267.901.267.820</b>	<b>13.245.686.288</b>		<b>281.146.954.108</b>

**12. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	73.648.455.343	73.648.455.343
Cổ phiếu Công ty CP SSV	3.399.942.000	3.399.942.000
Công trái Giáo dục	150.000.000	150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	135.000.000	135.000.000
<b>Cộng</b>	<b>77.333.397.343</b>	<b>77.333.397.343</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa các tàu lên đà	39.482.753.173	16.646.557.400	13.739.589.000	42.389.721.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	69.259.929.600		8.657.491.200	60.602.438.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.736.641		19.760.502	4.976.139
<b>Cộng</b>	<b>108.767.419.414</b>	<b>16.646.557.400</b>	<b>22.416.840.702</b>	<b>102.997.136.112</b>

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	19.842.174.506
Phát sinh trong kỳ	
Hoàn nhập trong kỳ	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.842.174.506</b>

**15. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ xuất khẩu thuyền viên.

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

Là các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng		46.610.749.038
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	96.683.210.143	80.962.641.344
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	27.604.520.886	26.706.897.607
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	145.982.546.341	140.106.934.665
<b>Cộng</b>	<b>270.270.277.370</b>	<b>294.387.222.654</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	294.387.222.654
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	252.940.954.746
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(277.057.900.030)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>270.270.277.370</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Phải trả người bán

<i>Trình bày theo đơn vị như sau:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	220.027.030.426	241.743.078.114
Xí nghiệp Dịch vụ và Đại lý Sơn	8.090.264.726	11.684.863.483
Xí nghiệp Đại lý Dầu	10.296.970.455	7.221.260.074
Xí nghiệp Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển	312.083.628	
Đại lý Tàu biển và Logistics	1.488.419.070	2.876.851.830
Đại lý tàu biển và dịch vụ Hàng hải	204.071.880	362.546.006
Chi nhánh Quy Nhơn	249.958.135	1.169.360.834
Chi nhánh Quảng Ninh	3.358.901.070	1.878.807.017
Chi nhánh Hà Nội	1.746.715.683	2.370.073.125
Chi nhánh Đà Nẵng	152.574.714	293.600.411
Chi nhánh Cần Thơ	959.955.084	448.921.496
<b>Cộng</b>	<b><u>246.886.944.871</u></b>	<b><u>270.049.362.390</u></b>

### 18. Người mua trả tiền trước

<i>Trình bày theo đơn vị như sau:</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	83.704.374.502	58.111.001.530
Xí nghiệp Đại lý Dầu		21.897.440
Xí nghiệp Sửa chữa và Dịch vụ tàu biển	40.000.000	
Trung tâm Thuyền viên	335.666.339	
Đại lý Tàu biển và Logistics	180.008.277	393.151.718
Đại lý tàu biển và dịch vụ Hàng hải	280.533.817	236.622.234
Chi nhánh Quy Nhơn	259.600.553	35.143.936
Chi nhánh Quảng Ninh	81.636.622	71.745.339
Chi nhánh Nha Trang	330.931.588	288.816.909
Chi nhánh Cần Thơ	41.441.346	16.604.016
<b>Cộng</b>	<b><u>85.254.193.044</u></b>	<b><u>59.174.983.122</u></b>

### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	500.956.597	3.422.526.322	3.068.632.370	854.850.549
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		480.608.219	480.608.219	
Thuế xuất nhập khẩu		105.285.238	105.285.238	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.599.859.961	12.000.000.000	9.599.859.961	10.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	(867.293.214)	6.897.361.418	5.166.305.219	863.762.985
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		2.085.071.136	2.085.071.136	
Thuế khác		18.000.000	18.000.000	
Các khoản phí, lệ phí khác	143.183.326	1.400.475.347	1.480.543.242	63.115.431
<b>Cộng</b>	<b><u>7.376.706.670</u></b>	<b><u>25.909.327.680</u></b>	<b><u>21.504.305.385</u></b>	<b><u>11.781.728.965</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong nước : 5% và 10%
- Hàng hóa dịch vụ cung cấp nước ngoài : 0%

### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Xem thuyết minh số IV.14.

Số thuế phải nộp trong 6 tháng đầu năm 2010 được hạch toán vào Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 12 tỷ VND là số tạm tính theo doanh thu và chi phí ước tính trên Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính – mẫu 01A/TNDN quý 1 và 2 năm 2010 của Công ty.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.214.124.724	725.070.746
Bảo hiểm xã hội	1.203.098.761	948.159.737
Phải trả về cổ phần hóa	32.488.565.258	32.488.565.258
Cổ tức phải trả	33.488.232.600	71.252.431.600
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		69.248.000
Thuế TNCN của phần lương năm 2009 chưa chi		1.160.279.000
Thuế TNCN phải trả người lao động theo Quyết toán thuế năm 2009	712.359.677	1.084.783.181
Phí giám sát đóng mới tàu Lucky Star		1.684.407.882
Phải trả về bán tàu Đại Hùng	2.000.000.000	
Phải trả, phải nộp khác	4.084.247.296	8.084.226.692
<b>Cộng</b>	<b><u>75.190.628.316</u></b>	<b><u>117.497.172.096</u></b>

## 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	14.117.090.577
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	
Chi quỹ trong kỳ	(6.153.369.540)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>7.963.721.037</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 22. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả Công ty Cổ phần Đóng tàu Bạch Đằng theo Hợp đồng đóng mới 02 chiếc tàu 22.500 tấn số 3/KH05 và số 4/KH05.

### 23. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

### 24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(a)</sup>	463.767.973.490	457.516.473.490
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Hải Phòng	1.341.572.505.000	1.421.905.772.000
<i>Bằng VND <sup>(b)</sup></i>	<i>26.407.500.000</i>	<i>35.210.000.000</i>
<i>Bằng ngoại tệ quy ra VND</i>	<i>1.315.165.005.000</i>	<i>1.386.695.772.000</i>
<i>Tương đương nguyên tệ (USD) <sup>(c)</sup></i>	<i>73.305.000</i>	<i>77.292.000</i>
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(d)</sup>	196.480.861.500	224.549.556.000
<i>Tương đương nguyên tệ (USD)</i>	<i>10.951.500</i>	<i>12.516.000</i>
Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt <sup>(e)</sup>	226.400.000.000	226.400.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (USD) <sup>(f)</sup>	417.240.000.000	
<i>Tương đương nguyên tệ (USD)</i>	<i>22.500.000</i>	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.645.461.339.990</u></b>	<b><u>2.330.371.801.490</u></b>

(a) Khoản vay VND Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng tàu từ năm 2000, 2001, 2002 và 2006.

(b) Khoản vay VND Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 0163/09/HP ngày 29/04/2009, số tiền vay 35,21 tỷ VND để mua vỏ container, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất thả nổi bằng lãi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau (+) 2,5%/ năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Tiên Yên.

(c) Khoản vay USD Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng gồm 3 hợp đồng tín dụng:

- Số 0020/07/HP ngày 12/02/2007, số tiền vay 41 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

- Số 0097/07/HP ngày 26/09/2007, số tiền vay 52,74 triệu USD để mua tàu chở dầu, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Ocean Star.

- Số 0098/07/HP ngày 21/09/2007, số tiền vay 27 triệu USD để mua tàu Neptune Star, thời hạn vay 10 năm, lãi suất Sibor 6 tháng cộng 1,625%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tàu Vega Star.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng số 2008/HĐTĐ-VOSCO ngày 21/11/2008, số tiền vay 15,645 triệu USD để mua tàu SEABEE (nay đổi tên thành tàu VOSCO STAR) trọng tải 46.671 DWT, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt gồm 3 hợp đồng tín dụng:
- Số 82.2009.HĐTĐ ngày 08/07/2009, số tiền vay 2,730 tỷ VND để mua xe nâng vỏ container, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Số 112.2009.HĐTĐ ngày 24/08/2009, số tiền vay 175 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Lucky Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 10,5% cho 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 6 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 2,5%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Silver Star, Fortune Freighter và Lucky Star.
  - Số 237.2009.HĐTĐ ngày 25/12/2009, số tiền vay 100 tỷ VND để đầu tư dự án đóng tàu Blue Star 22.500 DWT, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn trả nợ gốc 24 tháng, lãi suất 12% cho 3 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng 3%/năm, hỗ trợ lãi suất 4%/năm theo quy định hiện hành. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu Đại Việt.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 67667 ngày 17 tháng 3 năm 2010, số tiền vay 22,5 triệu USD để mua tàu VOSCO SKY trọng tải 52.523 DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất 6%/năm cho kỳ đầu tiên và được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cộng biên độ 3,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, tàu Polar Star và tàu Golden Star.

*Chi tiết số phát sinh trong kỳ của các khoản vay dài hạn như sau:*

Số đầu năm	2.330.371.801.490
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	463.140.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(148.050.461.500)
Số cuối kỳ	<u>2.645.461.339.990</u>

#### 25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	248.722.000
Số trích lập trong kỳ	775.259.000
Số chi trong kỳ	(182.651.600)
Số cuối kỳ	<u>841.329.400</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 26. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	(9.135.948.446)	15.968.205.262	33.698.740.840	1.440.530.997.656
Lợi nhuận trong kỳ này				53.600.559.239	53.600.559.239
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngắn hạn cuối năm trước		9.135.948.446			9.135.948.446
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.400.000.000.000</b>		<b>15.968.205.262</b>	<b>87.299.300.079</b>	<b>1.503.267.505.341</b>

#### *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	840.000.000.000	840.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông	560.000.000.000	560.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>1.400.000.000.000</b>

#### *Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	140.000.000	140.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.308.519.006.075	857.593.328.756
- Doanh thu bán hàng hóa	32.919.307.147	20.753.778.237
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.275.599.698.928	836.839.550.519
Các khoản giảm trừ doanh thu:	3.309.623.794	8.436.853.030
- Giảm giá hàng bán	3.309.623.794	8.436.853.030
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.305.209.382.281</b>	<b>849.156.475.726</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	32.919.307.147	20.753.778.237
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.272.290.075.134	828.402.697.489

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	28.834.905.237	18.202.496.985
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.094.260.061.142	839.054.839.097
<b>Cộng</b>	<b>1.123.094.966.379</b>	<b>857.257.336.082</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	390.282.686	523.375.001
Lãi bán cổ phiếu		7.465.066.677
Cổ tức, lợi nhuận được chia		7.570.812.800
Lãi bán ngoại tệ	335.389.784	734.137.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.444.823.046	4.266.259.446
<b>Cộng</b>	<b>11.170.495.516</b>	<b>20.559.650.924</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	53.592.938.983	38.397.020.992
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.897.664.947	1.709.081.615
Chi phí tài chính khác	7.122.125	44.701.460
<b>Cộng</b>	<b>81.497.726.055</b>	<b>40.150.804.067</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.176.906.864	1.074.556.906
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.947.782	8.169.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.534.362	16.534.362
Chi phí quảng cáo tiếp thị	72.833.818	72.998.452
Chi phí hoa hồng vận tải	35.599.023.449	17.815.392.247
Chi phí khác	1.003.792.551	826.658.470
<b>Cộng</b>	<b>37.880.038.826</b>	<b>19.814.309.457</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	12.893.089.404	12.797.579.036
Chi phí vật liệu quản lý	867.848.194	734.150.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	293.876.564	103.412.300
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.183.468.586	1.685.673.471
Thuế, phí và lệ phí	3.279.214.734	1.409.106.270
Chi phí sửa chữa	120.127.818	100.600.532
Chi phí điện nước	248.820.889	241.747.522
Chi phí thông tin	498.281.030	460.499.676
Chi phí hội nghị, tiếp khách	741.565.040	874.058.044
Chi phí đào tạo	143.110.120	166.246.053
Công tác phí, tàu xe đi phép	1.126.394.774	1.206.604.586
Chi phí khác	1.783.159.021	1.819.933.738
<b>Cộng</b>	<b>23.178.956.174</b>	<b>21.599.612.140</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	14.835.200.000	
Thu phạt vi phạm hợp đồng	519.232.000	
Thu phí quản lý tàu cho Viconship	130.000.000	
Thu thanh lý phế liệu	77.325.782	127.814.708
Thu phí giao dịch chứng khoán		26.750.964
Thu nhập khác	903.116.609	1.484.231.514
<b>Cộng</b>	<b>16.464.874.391</b>	<b>1.638.797.186</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	1.411.449.187	145.048.081
Chi phí khác	181.056.328	278.026.022
<b>Cộng</b>	<b>1.592.505.515</b>	<b>423.074.103</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.600.559.239	(67.890.212.013)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.600.559.239	(67.890.212.013)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	140.000.000	140.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>383</b>	<b>(485)</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt	2.001.821.000	2.377.669.000

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả Công ty mẹ về Cổ phần hóa		17.000.000.000
Trả cổ tức cho Công ty mẹ	18.000.000.000	12.500.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả Công ty mẹ về Cổ phần hóa	32.488.565.258	32.488.565.258
Phải trả Tổng Công ty về Cổ tức	24.000.000.000	42.000.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>56.488.565.258</b>	<b>74.488.565.258</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 215 phố Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Chi phí lãi vay vốn hóa

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay để đóng mới tàu	9.259.591.611	8.066.558.400
<b>Tổng chi phí lãi vay vốn hoá</b>	<b>9.259.591.611</b>	<b>8.066.558.400</b>
<b>Tỷ lệ vốn hóa</b>	<b>15 %</b>	<b>17%</b>

#### 3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

#### 4. Thay đổi ước tính kế toán

Năm 2010, Công ty áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính thay thế Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, một số phương tiện vận tải biển nhận bàn giao từ Doanh nghiệp Nhà nước khi cổ phần hóa phải áp dụng thời gian khấu hao còn lại không quá 05 năm và Công ty đã giảm thời gian khấu hao còn lại đối với các tài sản này làm cho chi phí khấu hao trong kỳ tăng 4.686.945.393 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

#### 5. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn. Do năm 2009, Công ty không thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ nên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ được lấy theo số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty chưa được kiểm toán hoặc soát xét.

Lập ngày 12 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Trường

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Bùi Việt Hoài